TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **420**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 5 - 2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Hồng Phong

2. Bà Lại Thị Đắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 970/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Mai Thị E**, sinh năm 1980

Địa chỉ thường trú: Số 256/34 đường H, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ cư trú: Số 125/2 đường L, phường T, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bị đơn: Ông **Phùng Vĩ S**, sinh năm 1985

Địa chỉ thường trú: Số 256/34 đường H, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ cư trú: Số 133/21/71/10 đường N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí MinhMinh.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn bà Mai Thị E trình bày:

Bà và ông Phùng Vĩ S tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2013, quyển số 01/2013, ngày 07/10/2013). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016 mâu thuẫn phát sinh vì đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông S không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình, bỏ bê con cái nên vợ chồng thường xuyên cải vã với nhau làm cho đời sống hôn nhân luôn luôn căng thẳng, ngột ngạt nên từ cuối năm 2016 bà E và con đã dọn ra ở riêng và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Dù bà E đã nhiều lần khuyên nhủ, cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Mai Thị E yêu cầu được ly hôn với ông Phùng Vĩ S.

Về con chung: Bà E xác định vợ chồng có 01 (một) con chung tên Phùng Thiên B , sinh ngày 29/4/2014. Ngoài ra, không còn con chung, con nuôi nào khác. Từ năm trẻ Bảo được 3 tuổi đã ở với bà Em, do bà E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn ông S không còn qua lại chăm sóc con chung. Nay bà E yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Phùng Vĩ S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà E xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phùng Vĩ S đã được Tòa án tống đạt, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể thu thập được lời khai, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

2. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Phùng Vĩ S đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 và Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đồng thời, ông S đã được triệu tập đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Mai Thị E có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị E thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, do bị đơn ông Phùng Vĩ S cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét thấy, bà Mai Thị E và ông Phùng Vĩ S tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2013, quyển số 01/2013 cấp ngày 07/10/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét yêu cầu của bà E xin được ly hôn với ông Phùng Vĩ S.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai phải có sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Thế nhưng, giữa bà E và ông S đã không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau mà người nào chỉ biết bổn phận người đó, mạnh ai nấy sống. Mặc dù, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông S đến Tòa để tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông S vẫn vắng mặt điều này thể hiện ông S không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng trong một thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị E là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về con chung: Bà E xác định con chung hiện đang ở với bà, do bà E trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, ông S không còn qua lại thăm nom con. Đồng thời, xét nguyện vọng của trẻ Phùng Thiên B thể hiện "Con có nguyện vọng được ở với mẹ là Mai Thị E". Trẻ Bảo cũng đang trong giai đoạn học tập, hình thành nhân cách nên cần có sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ. Nay bà E yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của trẻ. Mặt khác, ông S cũng không đến Tòa tự khai và giải quyết vụ án nên cũng không thể hiện được ý kiến của ông về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, việc giao con chung cho bà Mai Thị E tiếp tục nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông S cho đến khi bà E có yêu cầu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Phùng Vĩ S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà E xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

[6] Quyền kháng cáo: Bà Mai Thị E và ông Phùng Vĩ S có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 208, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị E.

Về hôn nhân: Bà Mai Thị E được ly hôn ông Phùng Vĩ S. (Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/10/2013 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Giao con chung tên Phùng Thiên B , sinh ngày 29/4/2014 cho bà Mai Thị E trực tiếp nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Phùng Vĩ S cho đến khi bà E có yêu cầu. Ngoài ra, vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà E xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Mai Thị E phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/ 0017373 ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà E đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dung